

Bản án số: 109/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2019

“Về việc yêu cầu ly hôn
và tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trịnh Thị Mai Hương

- Ông Nguyễn Hoàng Thân

- Thư ký phiên tòa: bà Phùng Thị Trang-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 104/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2019 về việc: “*Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã X, huyện XM, tỉnh BR - VT.

Bị đơn: Ông Trần Đ, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã X, huyện XM, tỉnh BR - VT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2019, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

* *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Đ chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Hôn nhân là tự nguyện, không bị ai mai mối hay ép buộc. Trước khi kết hôn bà T và ông Đ có thời gian tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới.

Sau khi kết hôn, bà T và ông Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến ngày hôm nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt, từ vấn đề kinh tế cho đến việc nuôi dạy con cái. Giữa hai vợ chồng không còn tiếng nói chung

nên vợ chồng không còn quan tâm đến nhau như trước. Việc này bà T và ông Đ đã nhiều lần ngồi lại tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được.

Từ cuối năm 2018 cho đến khoảng tháng 5 năm 2019, bà T và ông Đ sống ly thân không còn quan hệ gì về kinh tế cũng như chuyện tình cảm, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung một nhà. Từ tháng 6 năm 2019, bà T đã cắt hộ khẩu chuyển ra xã Xuyên Mộc làm nhà và ở riêng không còn sống chung với ông Đ nữa.

Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông Đ thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Đ.

* *Về con chung*: Bà T và ông Đ có 01 con chung là Trần Ngọc Khánh T, sinh ngày: 20/4/2013. Con chung hiện nay đang sống cùng với bà T, bà T có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và biên bản hòa giải bị đơn ông Trần Đ trình bày:

Ông Đ và bà T chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Hội theo quy định. Hôn nhân là tự nguyện, không bị ai mai mối hay ép buộc. Trước khi kết hôn ông Đ và bà T có thời gian tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần. Ngoài ra, thời điểm này ông Đ bị bệnh nên sức khỏe có phần suy giảm không còn làm được việc nặng nên không phụ giúp bà T mọi việc trong gia đình nên vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 6 cho đến nay, bà T đã chuyển hộ khẩu và làm nhà ở xã Xuyên Mộc không còn sống chung với ông Đ nữa. Từ tháng 6 năm 2019 trở về trước ông Đ và bà T vẫn sống chung một nhà nhưng vợ chồng sống ly thân, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Bà T yêu cầu ly hôn thì ông Đ không đồng ý vì ông Đ vẫn còn tình cảm với bà T và ông Đ là người theo đạo thiên chúa nên theo quy định của đạo là không được ly hôn.

Về con chung: Ông Đ và bà T có 01 con chung là Trần Ngọc Khánh T, sinh ngày: 20/4/2013. Con chung đang sống cùng với bà T, ông Đ có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, tại phiên Tòa bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn ông Đ. Về con chung, xét nên giao con chung cho bà T nuôi dưỡng vì con chung hiện nay đang ở cùng với bà T. Về phần tài sản chung và nợ chung: bà T và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp*: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Đ và yêu cầu giải quyết về con chung. Ông Đ có nơi cư trú tại xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01 ngày 07/4/2008 của Ủy ban nhân dân xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định, hôn nhân của bà T và ông Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn thì bà T và ông Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, mặc dù hai vợ chồng mỗi người đưa ra một lý do khác nhau nhưng cả hai đều xác định giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và hiện tại vợ chồng đã sống ly thân không còn quan hệ gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Ngoài ra, cả bà T và ông Đ đều xác định hai vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được. Tuy nhiên, bà T yêu cầu ly hôn thì ông Đ không đồng ý ly hôn vì ông Đ cho rằng vẫn còn thương yêu bà T và ông Đ là người theo đạo Thiên chúa nên theo quy định là không được ly hôn.

[3]. Qua xác minh cho thấy, trong thời gian ông Đ và bà T chung sống tại địa phương thì ông Đ và bà T có xảy ra mâu thuẫn mặc dù vợ chồng không cãi vã lớn tiếng hay xô xát như các cặp vợ chồng khác vì bản thân bà T là giáo viên. Nguyên nhân

chính dẫn đến mâu thuẫn của hai vợ chồng xuất phát từ việc ông Đ làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần, bà T và ông Đ phải bán nhà riêng để về sống chung với ba mẹ chồng. Từ khi sống chung với gia đình nhà chồng thì vợ chồng xảy ra bất hòa. Bà T và ông Đ hiện nay đã sống ly thân không còn quan hệ gì về mọi mặt, bà T đã cất hộ khẩu chuyển về xã Xuyên Mộc để sống từ giữa năm 2019 cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ theo các quy định của pháp luật để giải quyết, địa phương không có ý kiến.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Đ.

[5]. *Về con chung*: Bà T và ông Đ có 01 con chung là Trần Ngọc Khánh T, sinh ngày: 20/4/2013. Con chung hiện nay đang ở với bà T, bà T và ông Đ đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy, bà T và ông Đ đều có việc làm và thu nhập ổn định nhưng mức thu nhập cả hai có sự chênh lệch. Ông Đ xác định thu nhập hiện tại của ông Đ là 2.000.000đ/ tháng, hàng tháng ông Đ phải trích ra để trả số nợ trước đây ông Đ làm ăn thua lỗ; bản thân ông Đ hiện nay đang bị bệnh nên sức khỏe yếu không làm được công việc nặng. Bà T hiện nay là giáo viên, thu nhập hàng tháng hơn 7.000.000đ, bà T đã có nhà ở ổn định tại Xuyên Mộc, cháu T đang ở cùng với bà T và hiện cháu đang theo học tại trường tiểu học Xuyên Mộc, thuộc xã Xuyên Mộc. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên giao cháu T cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển toàn diện và không làm xáo trộn tâm lý của cháu T. Về yêu cầu cấp dưỡng, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, bà T được ly hôn với ông Trần Đ.

2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Khánh T, sinh ngày: 20/4/2013. Bà T tự nguyện không yêu cầu ông Trần Đ cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007865 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp đủ án phí, ông Trần Đ không phải nộp án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BR - VT;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Xuyên Mộc;
- UBND xã, thị trấn
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy

